**Đề tài:** **THIẾT KẾ WEBSITE ĐIỂM DU LỊCH**

Nhóm **3**: Các thành viên tham gia thực hiện

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | MSSV | Họ và tên | Email | Ghi chú |
| 1 | 1312667 | Sang Khánh Vinh | [khanhvinhit@gmail.com](mailto:khanhvinhit@gmail.com) | NT |
| 2 | 1312656 | Nguyễn Bá Quốc Anh Quân | [anhquannbq@gmail.com](mailto:anhquannbq@gmail.com) |  |
| 3 | 1310194 | Phạm Thị Giang | [phamthigiang0603@gmail.com](mailto:phamthigiang0603@gmail.com) |  |

1. **Yêu Cầu.**

* Thực hiện đầy đủ các chức năng của một web thông tin thông thường.
* Yêu cầu nâng cao:
* Phần cập nhật thông tin hiển thị.
* Có phần tài khoản và quản lý tài khoản người dùng.
* Có từ 2 đến 3 giao diện hiển thị để người dùng lựa chọn.

**Ngôn ngữ lập trình:** MVC ASP.NET

1. **Các công cụ sử dụng.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phần mềm | Hãng sản xuất | Phí |
| 1 | Microsoft Visual Studio 2013 | Microsoft | 11.899 $ |
| 2 | Microsoft SQL 2012 Express | Microsoft | Free |
| 3 | Microsoft Office | Microsoft | 150.000/Tháng |

1. **Phương pháp thực hiện.**
2. **Bảng các câu hỏi phỏng vấn.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Câu hỏi | Người trả lời | Câu trả lời |
| 1 | Khu du lịch rộng bao nhiêu? | Chủ khu du lịch | 40ha. |
| 2 | Thời gian mở cửa khu du lịch? | Từ 7h sáng đến 5h chiều. |
| 3 | Có đặt vé online không? | Không. |
| 4 | Khu du lịch gồm bao nhiêu nhân viên? | Gồm 100 nhân viên. |
| 5 | Hình thức kinh doanh? | Tham quan du lịch, vui chơi giải trí. |
| 6 | Đối tượng sử dụng trang web? | Quản lý trang web và khách hàng. |
| 7 | Có cần phân cấp cho người sử dụng trang web? | Admin có toàn quyền. |

1. **Bảng nghiệp vụ.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Nghiệp vụ | Người thực hiện | Ghi chú |
| 1 | Viết tin tức | Nhân viên |  |
| 2 | Hướng dẫn | Nhân viên |  |
| 3 |  |  |  |

1. **Danh sách Usecase.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên usecase | Mô tả |
| 1 | Quản lý người dùng | Người quản trị hệ thống có thể thay đổi hoặc xóa bỏ tên người dùng trong hệ thống. |
| 2 | Quản lý danh mục tin tức | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. Dựa vào yêu cầu, nhân viên sẽ cập nhật hoặc thêm mới một danh mục tin tức. |
| 3 | Quản lý tin tức | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. Dựa vào yêu cầu, nhân viên sẽ cập nhật hoặc thêm mới một tin tức liên kết với danh mục. |
| 4 | Quản lý menu | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. Dựa vào yêu cầu, nhân viên sẽ cập nhật hoặc thêm mới một menu. |
| 5 | Quản lý slider | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. Dựa vào yêu cầu, nhân viên sẽ cập nhật hoặc thêm mới một hình ảnh cho slider. |
| 6 | Quản lý liên hệ | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. Dựa vào yêu cầu, nhân viên sẽ cập nhật hoặc thêm mới liên hệ cho khu du lịch. |
| 7 | Quản lý bảng giá | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. Dựa vào yêu cầu, nhân viên sẽ cập nhật hoặc thêm mới một giá (giá vé, giá dịch vụ …). |
| 8 | Quản lý đầu tư | Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. Dựa vào yêu cầu, nhân viên sẽ cập nhật hoặc thêm mới một loại hình dịch vụ cần đầu tư hoặc kêu gọi đầu tư. |
| 9 | Quản lý yêu cầu | Khách hàng đưa ra yêu cầu hay gợi ý cho trang web thông qua giao diện khách hàng.  Nhân viên đăng nhập vào hệ thống. Dựa vào yêu cầu, nhân viên sẽ xem xét các yêu cầu của khách hàng. |

1. **Chi tiết hóa Usecase.**

**Bước 1:** Quản lý người dùng:

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quản lý tài khoản.

B3: Người quản trị chọn tài khoản cần sửa đổi hoặc thêm mới tài khoản.

B4: Người quản trị nhập thông tin tài khoản.

**Bước 2:** Quản lý danh mục tin tức:

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quan lý danh mục tin tức.

B3: Người quản trị chọn danh mục cần sửa đổi hoặc thêm mới danh mục.

B4: Người quản trị nhập thông tin danh mục.

**Bước 3:** Quản lý tin tức:

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quan lý tin tức.

B3: Người quản trị chọn tin tức cần sửa đổi hoặc thêm mới tin tức.

B4: Người quản trị nhập thông tin tin tức.

**Bước 4:** Quan lý menu:

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quan lý menu.

B3: Người quản trị chọn menu cần sửa đổi hoặc thêm mới menu.

B4: Người quản trị nhập thông tin menu.

**Bước 5:** Quản lý slider:

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quan lý slider.

B3: Người quản trị chọn hình ảnh cần sửa đổi hoặc thêm mới hình ảnh.

B4: Người quản trị nhập thông tin hình ảnh.

**Bước 6:** Quản lý liên hệ:

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quan lý liên hệ.

B3: Người quản trị chọn liên hệ cần sửa đổi hoặc thêm mới liên hệ.

B4: Người quản trị nhập thông tin.

**Bước 7:** Quản lý bảng giá:

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quan lý bảng giá.

B3: Người quản trị chọn giá cần sửa đổi hoặc thêm mới giá.

B4: Người quản trị nhập thông tin giá.

**Bước 8:** Quản lý đầu tư:

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quan lý đầu tư.

B3: Người quản trị chọn đầu tư cần sửa đổi hoặc thêm mới đầu tư.

B4: Người quản trị nhập thông tin đầu tư.

**Bước 9:** Quản lý yêu cầu:

* Đối với khách hàng.

B1: Khách hàng vào trang web.

B2: Trên giao diện khách hàng chọn liên hệ.

B3: Khách hàng xuống vị trí yêu cầu hoặc góp ý và nhập nội dung.

B4: Nhập xong, khách hàng nhấn gửi để hoàn thành yêu cầu.

* Đối với người quản trị.

B1: Thực hiện đăng nhập để vào trang quản lý.

B2: Trên giao diện quản lý người quản trị chọn quan lý yêu cầu.

B3: Người quản trị chọn yêu cầu cần xem.

B4: Người quản trị xác nhận.

1. **Yêu cầu chức năng.**
2. **Danh sách Actor.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ID | Tên Actor | Mô tả |
| 1 | A1 | Quản trị | Quản lý người dùng, quản lý danh mục tin tức, quản lý tin tức, quản lý menu, quản lý slider, quản lý thông tin, quản lý bảng giá, quản lý đầu tư. |
| 2 | A2 | Khách hàng | Xem bài viết, giới thiệu, và viết yêu cầu hoặc góp ý. |

1. **Danh sách Usecase.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | ID | Tên Usecase | Mô tả | Yêu cầu nghiệp vụ |
| 1 | U1 | Đăng nhập | Tài khoản quản trị đăng nhập vào hệ thống. | B1 |
| 2 | U2 | Đăng xuất | Tài khoản quản trị đăng xuất khỏi hệ thống. | B1 |
| 3 | U3 | Thay đổi mật khẩu | Tài khoản quản trị hiện tại có thể thay đổi mật khảu của mình. | B1 |
| 4 | U4 | Thêm người dùng | Quản trị (admin) thêm mới một người dùng. | B1 |
| 5 | U5 | Xóa người dùng | Quản trị (admin) xoá một người dùng. | B1 |
| 6 | U6 | Sửa người dùng | Quản trị (admin) sửa một người dùng. | B1 |
| 7 | U7 | Hiển thị danh sách người dùng | Quản trị (admin) cập nhật danh sách người dùng, xem số lượng người dùng. | B1 |
| 8 | U8 | Xem chi tiết người dùng | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết tài khoản đã được chọn. | B1 |
| 9 | U9 | Tìm kiếm người dùng | Quản trị (admin) tìm kiếm tài khoản, sau khi được admin tìm kiếm, tài khoản cần tìm sẽ được hiển thị. | B1 |
| 10 | U10 | Thêm danh mục tin tức | Quản trị (admin) thêm mới một danh mục tin tức. | B2 |
| 11 | U11 | Xóa danh mục tin tức | Quản trị (admin) xoá một danh mục tin tức. | B2 |
| 12 | U12 | Sửa danh mục tin tức | Quản trị (admin) sửa một danh mục tin tức. | B2 |
| 13 | U13 | Hiển thị danh sách danh mục tin tức | Quản trị (admin) cập nhật danh sách danh mục tin tức, xem số lượng danh mục tin tức. | B2 |
| 14 | U14 | Xem chi tiết danh mục tin tức | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết danh mục tin tức đã được chọn. | B2 |
| 15 | U15 | Tìm kiếm danh mục tin tức | Quản trị (admin) tìm kiếm danh mục tin tức, sau khi được admin tìm kiếm, danh mục tin tức cần tìm sẽ được hiển thị. | B2 |
| 16 | U16 | Thêm tin tức | Quản trị (admin) thêm mới một tin tức. | B3 |
| 17 | U17 | Xóa tin tức | Quản trị (admin) xoá một tin tức. | B3 |
| 18 | U18 | Sửa tin tức | Quản trị (admin) sửa một danh mục tin tức. | B3 |
| 19 | U19 | Hiển thị danh sách tin tức | Quản trị (admin) cập nhật danh sách tin tức, xem số lượng tin tức. | B3 |
| 20 | U20 | Xem chi tiết tin tức | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết tin tức đã được chọn. | B3 |
| 21 | U21 | Tìm kiếm tin tức | Quản trị (admin) tìm kiếm tin tức, sau khi được admin tìm kiếm, tin tức cần tìm sẽ được hiển thị. | B3 |
| 22 | U22 | Thêm menu | Quản trị (admin) thêm mới một menu. | B4 |
| 23 | U23 | Xóa menu | Quản trị (admin) xoá một menu. | B4 |
| 24 | U24 | Sửa menu | Quản trị (admin) sửa menu. | B4 |
| 25 | U25 | Hiển thị danh sách menu | Quản trị (admin) cập nhật danh sách menu, xem số lượng menu. | B4 |
| 26 | U26 | Xem chi tiết menu | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết menu đã được chọn. | B4 |
| 27 | U27 | Tìm kiếm menu | Quản trị (admin) tìm kiếm menu, sau khi được admin tìm kiếm, menu cần tìm sẽ được hiển thị. | B4 |
| 28 | U28 | Thêm slider | Quản trị (admin) thêm mới một slider. | B5 |
| 29 | U29 | Xóa slider | Quản trị (admin) xoá một slider. | B5 |
| 30 | U30 | Sửa slider | Quản trị (admin) sửslider. | B5 |
| 31 | U31 | Hiển thị danh sách slider | Quản trị (admin) cập nhật danh sách slider, xem số lượng slider. | B5 |
| 32 | U32 | Xem chi tiết slider | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết slider đã được chọn. | B5 |
| 33 | U33 | Tìm kiếm slider | Quản trị (admin) tìm kiếm slider, sau khi được admin tìm kiếm, slider cần tìm sẽ được hiển thị. | B5 |
| 34 | U34 | Thêm liên hệ | Quản trị (admin) thêm mới một liên hệ. | B6 |
| 35 | U35 | Xóa liên hệ | Quản trị (admin) xoá một liên hệ. | B6 |
| 36 | U36 | Sửa liên hệ | Quản trị (admin) sửa một liên hệ. | B6 |
| 37 | U37 | Hiển thị danh sách liên hệ | Quản trị (admin) cập nhật danh sách liên hệ, xem số lượng liên hệ. | B6 |
| 38 | U38 | Xem chi tiết liên hệ | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết liên hệ đã được chọn. | B6 |
| 39 | U39 | Tìm kiếm liên hệ | Quản trị (admin) tìm kiếm liên hệ, sau khi được admin tìm kiếm, liên hệ cần tìm sẽ được hiển thị. | B6 |
| 40 | U40 | Thêm bảng giá | Quản trị (admin) thêm mới một bảng giá. | B7 |
| 41 | U41 | Xóa bảng giá | Quản trị (admin) xoá một bảng giá. | B7 |
| 42 | U42 | Sửa bảng giá | Quản trị (admin) sửa bảng giá. | B7 |
| 43 | U43 | Hiển thị danh sách bảng giá | Quản trị (admin) cập nhật danh sách bảng giá, xem số lượng bảng giá. | B7 |
| 44 | U44 | Xem chi tiết bảng giá | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết bảng giá đã được chọn. | B7 |
| 45 | U45 | Tìm kiếm bảng giá | Quản trị (admin) tìm kiếm bảng giá, sau khi được admin tìm kiếm, bảng giá cần tìm sẽ được hiển thị. | B7 |
| 46 | U46 | Thêm đầu tư | Quản trị (admin) thêm mới một đầu tư. | B8 |
| 47 | U47 | Xóa đầu tư | Quản trị (admin) xoá một đầu tư. | B8 |
| 48 | U48 | Sửa đầu tư | Quản trị (admin) sửa đầu tư. | B8 |
| 49 | U49 | Hiển thị danh sách đầu tư | Quản trị (admin) cập nhật danh sách đầu tư, xem số lượng đầu tư. | B8 |
| 50 | U50 | Xem chi tiết đầu tư | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết đầu tư đã được chọn. | B8 |
| 51 | U51 | Tìm kiếm đầu tư | Quản trị (admin) tìm kiếm đầu tư, sau khi được admin tìm kiếm, đầu tư cần tìm sẽ được hiển thị. | B8 |
| 52 | U52 | Thêm yêu cầu | Khách hàng thêm mới yêu cầu hoặc góp ý. | B8 |
| 53 | U53 | Xóa yêu cầu | Quản trị (admin) xoá một yêu cầu. | B8 |
| 54 | U54 | Hiển thị danh sách yêu cầu | Quản trị (admin) cập nhật danh sách yêu cầu, xem số lượng yêu cầu. | B8 |
| 55 | U55 | Xem chi tiết yêu cầu | Quản trị (admin) sẽ xem chi tiết yêu cầu đã được chọn. | B8 |

1. **Sơ đồ mô hình hóa Usecase.**
   1. **Mô hình tổng quát.**



* 1. **Mô hình chi tiết.**

1. **Mô hình đăng nhập, đăng xuất.**



1. **Mô hình quản lý tài khoản cá nhân**



1. **Mô hình quản lý người dùng.**



1. **Mô hình quản lý danh mục tin tức.**



1. **Mô hình quản lý tin tức.**



1. **Mô hình quản lý menu.**



1. **Mô hình quản lý slider.**



1. **Mô hình quản lý liên hệ.**



1. **Mô hình quản lý bảng giá.**



1. **Mô hình quản lý đầu tư.**



1. **Mô hình quản lý yêu cầu**



1. **Chi tiết Usecase.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | ID | Tên Usecase | ĐK vào, Bước thực hiện, ĐK ra |
| 1 | U1 | Đăng nhập | ĐK vào: Có tài khoản và mật khẩu, chưa đăng nhập vào hệ thống.  B1: Hệ thống yêu cầu người dùng đăng nhập.  B2: Người dùng nhập tài khoản vào ô tài khoản.  B3: Nhập mật khẩu vào ô mật khẩu.  B4: Nhấn vào nút “Đăng nhập”.   * Nếu nhập sai tài khoản hoặc mật khẩu thì hệ thống thông báo “Sai tài khoản hoặc mật khẩu” và yêu cầu nhập lại tài khoản, mật khẩu. * Nếu nhập đúng tài khoản và mật khẩu thì truy cập vào hệ thống.   ĐK ra: Khi đăng nhập đúng tài khoản, tài khoản sẽ được sử dụng tất cả các chức năng hệ thống. |
| 2 | U2 | Đăng xuất | ĐK vào: Đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Người dùng chọn vào nút đăng xuất trên hệ thống.  B2: Thông báo, Người dùng nhấn OK.  ĐK ra: Tài khoản đăng xuất khỏi hệ thống, không thực hiện chức năng hệ thống được. |
| 3 | U3 | Thay đổi mật khẩu | ĐK vào: Tài khoản đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Người dùng nhấn vào tên hiển thị trên thanh công cụ.  B2: Người dùng chọn đổi mật khẩu.  B3: Người dùng nhập mật khẩu cũ.  B4: Người dùng nhập mật khẩu mới.  B5: Người dùng xác nhận mật khẩu.  B6: Người dùng chọn cập nhật.  B7: Thông báo thành công.  ĐK ra: Tài khoản đã được đổi mật khẩu. |
| 4 | U4 | Thêm người dùng | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý người dùng.  B2: Admin chọn thêm tài khoản.  B3: Admin nhập tên tài khoản muốn thêm.  B4: Admin nhập thông tin cá nhân tài khoản.  B5: Admin nhấn thêm.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Tài khoản mới được tạo để đăng nhập vào hệ thống. |
| 5 | U5 | Xóa người dùng | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý người dùng.  B2: Admin chọn danh sách tài khoản.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của tài khoản muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Tài khoản bị xóa khỏi hệ thống và không thể đăng nhập vào được nữa. |
| 6 | U6 | Sửa người dùng | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý người dùng.  B2: Admin chọn danh sách tài khoản.  B4: Admin nhấn vào icon sửa của tài khoản muốn xóa.  B5: Admin sửa thông tin cần sửa sau đó nhấn cập nhật.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Tài khoản được cập nhật mới. |
| 7 | U7 | Hiển thị danh sách người dùng | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý người dùng.  B2: Admin chọn danh sách tài khoản, danh sách tài khoản được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách tài khoản có trong hệ thống. |
| 8 | U8 | Xem chi tiết người dùng | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý người dùng.  B2: Admin chọn danh sách tài khoản.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của tài khoản muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết tài khoản được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết tài khoản. |
| 9 | U9 | Tìm kiếm người dùng | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin nhập tài khoản vào ô tìm kiếm.  B2: Admin nhấn button tìm.  ĐK ra: Tài khoản tìm kiếm được hiện ra. |
| 10 | U10 | Thêm danh mục tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý danh mục tin tức.  B2: Admin chọn thêm danh mục.  B3: Admin nhập tên danh mục muốn thêm.  B4: Admin nhập thông tin danh mục.  B5: Admin nhấn thêm.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Danh mục tin tức mới được tạo. |
| 11 | U11 | Xóa danh mục tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý danh mục tin tức.  B2: Admin chọn danh sách danh mục tin tức.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của danh mục muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Danh mục tin tức bị xóa khỏi hệ thống. |
| 12 | U12 | Sửa danh mục tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý danh mục tin tức.  B2: Admin chọn danh sách danh mục tin tức.  B4: Admin nhấn vào icon sửa của danh mục tin tức muốn xóa.  B5: Admin sửa thông tin cần sửa sau đó nhấn cập nhật.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Danh mục tin tức được cập nhật mới. |
| 13 | U13 | Hiển thị danh sách danh mục tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý danh mục tin tức.  B2: Admin chọn danh sách danh mục, danh sách danh mục tin tức được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách danh mục tin tức có trong hệ thống. |
| 14 | U14 | Xem chi tiết danh mục tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý danh mục tin tức.  B2: Admin chọn danh sách danh mục tin tức.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của danh mục muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết danh mục được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết danh mục tin tức. |
| 15 | U15 | Tìm kiếm danh mục tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin nhập danh mục vào ô tìm kiếm.  B2: Admin nhấn button tìm.  ĐK ra: Danh mục tìm kiếm được hiện ra. |
| 16 | U16 | Thêm tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào .  B1: Admin chọn quản lý tin tức.  B2: Admin chọn thêm tin tức.  B3: Admin nhập tên tin tức muốn thêm.  B4: Admin nhập thông tin tin tức.  B5: Admin nhấn thêm.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Tin tức mới được tạo. |
| 17 | U17 | Xóa tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý tin tức.  B2: Admin chọn danh sách.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của tin tức muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Tin tức bị xóa khỏi hệ thống. |
| 18 | U18 | Sửa tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý tin tức.  B2: Admin chọn danh sách tin tức.  B4: Admin nhấn vào icon sửa của tin tức muốn xóa.  B5: Admin sửa thông tin cần sửa sau đó nhấn cập nhật.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Tin tức được cập nhật mới. |
| 19 | U19 | Hiển thị danh sách tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý tin tức.  B2: Admin chọn danh sách tin tức, danh sách tin tức được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách tin tức có trong hệ thống. |
| 20 | U20 | Xem chi tiết tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý tin tức.  B2: Admin chọn danh sách tin tức.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của tin tức muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết tin tức được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết tin tức. |
| 21 | U21 | Tìm kiếm tin tức | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin nhập tin tức vào ô tìm kiếm.  B2: Admin nhấn button tìm.  ĐK ra: Tin tức tìm kiếm được hiện ra. |
| 22 | U22 | Thêm menu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào .  B1: Admin chọn quản lý menu.  B2: Admin chọn thêm menu.  B3: Admin nhập tên menu muốn thêm.  B4: Admin nhập thông tin menu.  B5: Admin nhấn thêm.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Menu mới được tạo. |
| 23 | U23 | Xóa menu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý menu.  B2: Admin chọn danh sách.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của menu muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Menu bị xóa khỏi hệ thống. |
| 24 | U24 | Sửa menu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý menu.  B2: Admin chọn danh sách menu.  B4: Admin nhấn vào icon sửa của menu muốn xóa.  B5: Admin sửa thông tin cần sửa sau đó nhấn cập nhật.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Menu được cập nhật mới. |
| 25 | U25 | Hiển thị danh sách menu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý menu.  B2: Admin chọn danh sách menu, danh sách menu được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách menu có trong hệ thống. |
| 26 | U26 | Xem chi tiết menu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý menu.  B2: Admin chọn danh sách menu.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của menu muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết menu được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết menu. |
| 27 | U27 | Tìm kiếm menu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin nhập menu vào ô tìm kiếm.  B2: Admin nhấn button tìm.  ĐK ra: Menu tìm kiếm được hiện ra. |
| 28 | U28 | Thêm slider | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào .  B1: Admin chọn quản lý slider.  B2: Admin chọn thêm slider.  B3: Admin nhập tên slider muốn thêm.  B4: Admin nhập thông tin slider.  B5: Admin nhấn thêm.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Slider mới được tạo. |
| 29 | U29 | Xóa slider | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý slider.  B2: Admin chọn danh sách.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của slider muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Slider bị xóa khỏi hệ thống. |
| 30 | U30 | Sửa slider | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý slider.  B2: Admin chọn danh sách slider.  B4: Admin nhấn vào icon sửa của slider muốn xóa.  B5: Admin sửa thông tin cần sửa sau đó nhấn cập nhật.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Slider được cập nhật mới. |
| 31 | U31 | Hiển thị danh sách slider | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý slider.  B2: Admin chọn danh sách slider, danh sách slider được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách slider có trong hệ thống. |
| 32 | U32 | Xem chi tiết slider | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý slider.  B2: Admin chọn danh sách slider.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của slider muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết slider được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết slider. |
| 33 | U33 | Tìm kiếm slider | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin nhập slider vào ô tìm kiếm.  B2: Admin nhấn button tìm.  ĐK ra: Slider tìm kiếm được hiện ra. |
| 34 | U34 | Thêm thông tin | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào .  B1: Admin chọn quản lý thông tin.  B2: Admin chọn thêm thông tin.  B3: Admin nhập tên thông tin muốn thêm.  B4: Admin nhập thông tin thông tin.  B5: Admin nhấn thêm.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Thông tin mới được tạo. |
| 35 | U35 | Xóa thông tin | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý thông tin.  B2: Admin chọn danh sách.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của thông tin muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Thông tin bị xóa khỏi hệ thống. |
| 36 | U36 | Sửa thông tin | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý thông tin.  B2: Admin chọn danh sách thông tin.  B4: Admin nhấn vào icon sửa của thông tin muốn xóa.  B5: Admin sửa thông tin cần sửa sau đó nhấn cập nhật.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Thông tin được cập nhật mới. |
| 37 | U37 | Hiển thị danh sách thông tin | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý thông tin.  B2: Admin chọn danh sách thông tin, danh sách thông tin được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách thông tin có trong hệ thống. |
| 38 | U38 | Xem chi tiết thông tin | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý thông tin.  B2: Admin chọn danh sách thông tin.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của thông tin muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết thông tin được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết thông tin. |
| 39 | U39 | Tìm kiếm thông tin | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin nhập thông tin vào ô tìm kiếm.  B2: Admin nhấn button tìm.  ĐK ra: Thông tin tìm kiếm được hiện ra. |
| 40 | U40 | Thêm bảng giá | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào .  B1: Admin chọn quản lý bảng giá.  B2: Admin chọn thêm bảng giá.  B3: Admin nhập tên bảng giá muốn thêm.  B4: Admin nhập thông tin bảng giá.  B5: Admin nhấn thêm.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Bảng giá mới được tạo. |
| 41 | U41 | Xóa bảng giá | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý bảng giá.  B2: Admin chọn danh sách.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của bảng giá muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Bảng giá bị xóa khỏi hệ thống. |
| 42 | U42 | Sửa bảng giá | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý bảng giá.  B2: Admin chọn danh sách bảng giá.  B4: Admin nhấn vào icon sửa của bảng giá muốn xóa.  B5: Admin sửa thông tin cần sửa sau đó nhấn cập nhật.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Bảng giá được cập nhật mới. |
| 43 | U43 | Hiển thị danh sách bảng giá | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý bảng giá.  B2: Admin chọn danh sách bảng giá, danh sách bảng giá được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách bảng giá có trong hệ thống. |
| 44 | U44 | Xem chi tiết bảng giá | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý bảng giá.  B2: Admin chọn danh sách bảng giá.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của bảng giá muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết bảng giá được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết bảng giá. |
| 45 | U45 | Tìm kiếm bảng giá | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin nhập bảng giá vào ô tìm kiếm.  B2: Admin nhấn button tìm.  ĐK ra: Bảng giá tìm kiếm được hiện ra. |
| 46 | U46 | Thêm đầu tư | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào .  B1: Admin chọn quản lý đầu tư.  B2: Admin chọn thêm đầu tư.  B3: Admin nhập tên đầu tư muốn thêm.  B4: Admin nhập thông tin đầu tư.  B5: Admin nhấn thêm.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Đầu tư mới được tạo. |
| 47 | U47 | Xóa đầu tư | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý đầu tư.  B2: Admin chọn danh sách.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của đầu tư muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Đầu tư bị xóa khỏi hệ thống. |
| 48 | U48 | Sửa đầu tư | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý đầu tư.  B2: Admin chọn danh sách đầu tư.  B4: Admin nhấn vào icon sửa của đầu tư muốn xóa.  B5: Admin sửa thông tin cần sửa sau đó nhấn cập nhật.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Đầu tư được cập nhật mới. |
| 49 | U49 | Hiển thị danh sách đầu tư | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý đầu tư.  B2: Admin chọn danh sách đầu tư, danh sách đầu tư được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách đầu tư có trong hệ thống. |
| 50 | U50 | Xem chi tiết đầu tư | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý đầu tư.  B2: Admin chọn danh sách đầu tư.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của đầu tư muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết đầu tư được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết đầu tư. |
| 51 | U51 | Tìm kiếm đầu tư | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin nhập đầu tư vào ô tìm kiếm.  B2: Admin nhấn button tìm.  ĐK ra: Đầu tư tìm kiếm được hiện ra. |
| 52 | U52 | Thêm yêu cầu | ĐK vào: Khách hàng vào trang liên hệ.  B1: Khách hàng xuống vị trí yêu cầu.  B2: Khách hàng nhập yêu cầu.  B4: Sau khi nhập xong, khách hàng nhấn gửi.  B5: Thông báo thành công.  ĐK ra: Yêu cầu mới được tạo. |
| 53 | U53 | Xóa yêu cầu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B2: Admin chọn danh sách.  B4: Admin nhấn vào icon xóa của yêu cầu muốn xóa.  B5: Thông báo xác nhận, nhấn OK để xóa.  B6: Thông báo thành công.  ĐK ra: Yêu cầu được xóa khỏi hệ thống. |
| 54 | U54 | Hiển thị danh sách yêu cầu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý yêu cầu.  B2: Admin chọn danh sách yêu cầu, danh sách yêu cầu được hiện ra.  ĐK ra: Hiển thị danh sách yêu cầu có trong hệ thống. |
| 55 | U55 | Xem chi tiết yêu cầu | ĐK vào: Admin đã đăng nhập vào hệ thống.  B1: Admin chọn quản lý yêu cầu.  B2: Admin chọn danh sách yêu cầu.  B4: Admin nhấn vào icon chi tiết của yêu cầu muốn xem.  B5: Giao diện thông tin chi tiết yêu cầu được hiện ra, xem xong nhấn đóng để kết thúc.  ĐK ra: Hiển thị chi tiết yêu cầu. |

1. **Database**

****

1. **Giao diện**